

## CÔNG CHIÊNG CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở HOÀ BÌNH

NGUYỄN THỊ THANH NGA

### 1. Đôi nét về nguồn gốc và các loại công chiêng

Theo tổng điều tra dân số năm 1989, dân tộc Mường có 914.596 người, đứng thứ tư trong dân số cả nước. Riêng tỉnh Hoà Bình, nơi người Mường tập chung đông nhất, có 450.000 người, chiếm 70% dân số của tỉnh.

Là một dân tộc bản địa có nguồn gốc xa xưa với người Việt, tiếng Mường thuộc ngữ hệ Nam Á - nhóm Việt Mường. Sống ở vùng rừng núi phía Tây Bắc người Mường ở Hoà Bình đã bảo lưu được diện mạo văn hoá lâu đời, giàu bản sắc thể hiện đa dạng qua nhiều mặt của cuộc sống, tiêu biểu hơn cả là kho tàng văn hoá dân gian Mường - trong đó có dàn công chiêng Mường rất nổi tiếng.

Trên mặt trống đồng Ngọc Lũ của thời đại đồng thau Đông Sơn (cách đây khoảng 2000 năm), người ta thấy có hình người ở tư thế đứng trụ chân, tay dang rộng sang hai bên - nơi có treo những hình vòng tròn, giữa vòng có chấm nhỏ. Đây là hình tượng của người đang đánh công chiêng. Nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng công chiêng của người Mường có cùng thời đại với thời đại *văn hoá đồng thau Đông Sơn - thời đại dựng nước* của người Việt cổ.

Hình ảnh công chiêng cũng còn được ghi trong thiên sử thi đồ sộ của người Mường Bi - Hoà Bình, trong áng mo "Đẻ đất đẻ nước" - ở khúc ca XX "Tìm cây chu" có viết:

*" Hồi dàn kiến kia  
Bay đi làm gì đông đông  
Mà mang chiêng đồng, trống đồng ..."*

Với hai cứ liệu của lịch sử này, phải chăng đã minh chứng rằng nguồn gốc của công chiêng là từ thời cổ xưa của người Mường cùng thời đại với "*Văn hoá Đông Sơn*" dựng nước rạng rỡ của dân tộc Việt.

Theo những người già ở Mường Bi, Tân Lạc kể lại thì trước những năm 40 của thế kỷ 20 vẫn có các thợ đúc đồng từ dưới xuôi lên đúc chiêng tại Mường Bi. Những công chiêng còn tồn tại tới ngày nay ở Hoà Bình có hai loại chính là chiêng *hơ* và chiêng *nay*. Chiêng *hơ* là loại chiêng có niên đại cổ hơn chiêng *nay*. Mặt chiêng *hơ* có cấu tạo thô ráp với những chấm nhỏ li ti, núm chiêng ở chính giữa rất bóng, màu sáng hồng. Người Mường cổ còn gọi chiêng *hơ* là chiêng *chó cóc*. Chiêng *hơ* là loại chiêng có nhiều cỡ, từ chiêng *mới* tới chiêng *sáu*. Chiêng *nay* được làm từ đồng đỏ, mặt có những nốt nổi lên như bị búa ghè. Chiêng *hơ* có âm thanh âm vang và hình dáng đẹp hơn chiêng *nay*.

Từ xưa, người Mường tổ chức nhiều chiêng thành một dàn gọi là dàn công. Mỗi dàn công có thể có số lượng khác nhau. Những dàn lớn thường có từ 7 đến 12 chiếc chiêng. Theo quan niệm tâm linh của người Mường, công chiêng là vật linh thiêng của cả một cộng đồng. Số 12 cũng gắn với biểu hiện của 12 tháng trong năm, với ước mong cả bốn mùa mưa thuận gió hoà, luôn là những ngày lành tháng tốt...

Người Mường không đặt tên cho từng chiếc chiêng như người Tây Nguyên mà người ta đặt tên cho chiêng theo chức năng hoạt động của nó trong bản nhạc. Trong dàn công chiêng Mường bao giờ cũng có chiêng *dàm* (còn gọi là chiêng *khâm*). Đây là loại chiêng cái có kích thước lớn nhất, đường kính tới 1m, âm lượng của nó trầm hùng. Chiêng *dàm* làm nhiệm vụ mở đầu và giữ nền toàn bộ bài công. Thường có bốn chiêng *dàm* trong dàn công.

Chiêng *bông* là loại chiêng có kích thước trung bình, có âm thanh thuộc âm khu giữa trong dàn công và tạo giai điệu cho dàn công (có nơi gọi là chiêng *boong beng* hay chiêng *bông beng*, chiêng *đùm*). Loại chiêng này thường có sáu hoặc bốn cái trong dàn công.

Chiêng *lẻ* còn gọi là chiêng *chót*, hay chiêng *poong*, chiêng *lóng*. Loại chiêng này có độ hai đến ba chiếc trong dàn công. Trong dàn công chiêng, người Mường gọi từng chiếc chiêng, phân biệt theo thứ tự từ âm cao nhất đến âm thấp nhất. Ví dụ: Chiêng *mốt* là chiêng *bông* nhỏ nhất có âm thanh cao nhất. Tiếp đến chiêng hai, chiêng ba... cho tới chiêng mười hai.

Những chiêng mốt, hai, ba, bốn thường được gọi gộp chung là chiêng *bông*. Từ chiêng bốn, năm đến chiêng bảy, tám gọi chung là chiêng *bông*. Từ chiêng tám, chín đến chiêng mười hai gọi là chiêng *dăm*, chiêng *khâm*. Từ chiêng mốt đến chiêng mười hai kích thước sẽ lớn hơn nhau một chút. Chiêng mốt thường có đường kính khoảng trên dưới 20 cm đổ lại, có âm thanh cao, chói. Chiêng mười trở lên kích thước thường khoảng từ 60 cm đến 90 cm, có những chiêng phải hai người khiêng để đánh, âm thanh phát ra trầm hùng, âm vang rừng núi.

Trước lúc diễn tấu chiêng trong những dịp hội hè hay tế lễ, ma chay... có những tiếng chiêng mở đầu gọi là chiêng *dóng*. Người ta sử dụng loại chiêng *bông*, chiêng *khâm* làm chiêng *dóng*. Trong những dịp này, người Mường tập trung số lượng chiêng lớn để đánh tập thể gọi là chiêng *khỗ*. Hình thức diễn tấu này có hai cách: Đánh tại chỗ và vừa đi vừa đánh. Có khi người Mường tập trung 30 - 40 chiêng để diễn tấu theo hình thức chiêng *khỗ*, nhưng nhìn chung từ 4 - 5 chiếc chiêng cũng có thể được gọi là dàn công chiêng.

## 2. Công chiêng trong đời sống người Mường

### a. Công chiêng - một hình tượng sức mạnh của người Mường trong lịch sử

Truyện cổ dân gian Mường còn kể lại khúc ca đánh *giặc ma ruộng*, trong đó đã khắc họa hình ảnh hoành tráng của các dàn công chiêng của người Mường tham gia chiến trận để bảo vệ bản làng. Bên cạnh gươm, đao là hình ảnh của hàng trăm, hàng nghìn cái chiêng đồng, trống đồng. Công chiêng vừa thể hiện ý chí quật cường của người dân Mường yêu nước, vừa thể hiện qua tình thân thương vô của họ. Khi có việc quân cơ hoả tốc, Lang đạo dùng chiêng để làm hiệu triệu quân. Thời Lang Cun Đình Thế Chinh, ở Mường Bi (Tân Lạc) khi có việc cần triệu dân làng thì đánh hai hồi không lại dùi. Khi cần gọi các *Âu cai* (một chức trong các bản Mường) nhà Lang sẽ đánh hai hồi, ba tiếng lại dùi. Trống chiêng cũng còn là hiệu lệnh cầm canh khi canh gác của quan lính nhà Lang trong thời cổ giặc giã, cũng như trong thời bình.

Như hầu hết các dân tộc sống ở núi rừng Tây Bắc - cuộc sống của người Mường cũng nhờ nhiều vào các sản phẩm của rừng, trong đó có việc săn bắn thú rừng. Chiếc chiêng cũng là một vật cùng các loại vũ khí khác như súng, nỏ vào rừng, biểu thị khí thế của các cuộc săn bắt tập thể mang tính cộng đồng đặc sắc của người Mường. Trước mỗi cuộc săn, đồng bào thường dùng chiêng *bông* cỡ chiêng mốt, chiêng hai (loại nhỏ nhất) và các tay thợ săn sẽ gióng lên hồi chiêng báo hiệu. Họ đánh chiêng một hồi dài, sau đó đánh từng tiếng thông thả để tụ tập các thợ săn đến đông đủ. Họ bàn xong, phường săn sẽ dẫn chó săn mang theo chiêng và súng, nỏ. Họ vừa đi vừa đánh chiêng, tiếng nọ nối tiếp tiếng kia âm vang rừng núi, lúc thì tiếng chiêng nhanh, thôi thúc, lúc lại đánh theo tiết tấu ba tiếng một. Khi con thú xuất hiện, người ta reo hò, đánh chiêng và thúc chó dồn đuổi. Khi săn được con thú, người ta đánh ba hồi chiêng, rồi đánh tiếng năm, sáu, bảy, tám tiếng một kéo dài... Con thú càng to thì nhịp chiêng thông thả càng lâu vang về tận xóm. Tiếng chiêng đánh báo hiệu cho chó săn quay về, sẽ kết thúc cuộc đi săn của phường săn.

Tiếng công chiêng - từ xa xưa đã gắn liền với từng ngày của cuộc sống người Mường. Vào ngày mùa chùng bốn giờ sáng, các *Âu cháu* đã đánh ba hồi chiêng, ba tiếng lại dùi để đánh thức

người dân dấy đi cày, bừa làm *xâu* cho nhà Lang. Chiều về cũng tiếng chiêng ấy báo hiệu hết một ngày lao động và đêm xuống trong tĩnh lặng của không gian núi rừng đen thẫm, đầu đó thỉnh thoảng lại vang lên tiếng chiêng cầm canh của lính nhà Lang đi tuần.. Cứ như thế tiếng công chiêng đi cùng người Mường suốt cuộc đời, chia sẻ cùng họ bao niềm vui và nỗi buồn trong cuộc sống.

*b. Dân công chiêng Mường giữ một vị trí quan trọng, thân thiết trong tâm thức dân gian và các lễ hội của người Mường.*

Phường hội *sắc pùa* là một hoạt động khá điển hình của người Mường vào dịp năm mới. Tiếng chiêng *sắc pùa* rộn rã khắp xóm làng, có từng đoàn phường *pùa* đi từ làng người này sang làng người khác để báo hiệu sự tốt lành của một năm mới đến, và gửi tới nhau lời chúc đầu xuân. Cũng có khi họ đánh chiêng tại nhà, hoặc vài nhà góp chiêng lại đánh ngay ở sàn nửa đầu chái nhà sàn. Họ vừa đánh chiêng vừa hát đối say sưa, trầm bổng.

*Sắc pùa* họp thành phường, là một dàn công chiêng gồm 24 chiếc, sẽ đánh theo các bài bản nhất định. Đó là dàn công chiêng được cả bản hăm mộ, mà người đánh chiêng là các cô gái duyên dáng, trẻ trung điển tấu. Mỗi cô gái tay xách chiêng, tay kia cầm dùi, với tư thế đĩnh đạc, tươi tắn, đánh nhịp nhàng từng hồi vào nùm chiêng đồng sáng bóng. Âm thanh vang lên trong sáng, vang vọng, ngân nga.

Không chỉ trong *sắc pùa* người Mường mới dùng dàn công chiêng mà chiêng còn góp mặt vào nhiều các lễ hội dân gian truyền thống khác của họ như: lễ hội xuống đồng, lễ *vua Khú*; lễ *cầu đảo*, ngày hội đánh cá, lễ cơm mới, lễ mừng nhà mới v.v....

Đã thành một phong tục đẹp từ đời ông cha, đám cưới người Mường thường có dàn công chiêng theo cô gái qua chín bậc cầu thang về làm dâu nhà người. Lúc ấy điệu chiêng được gọi là *chiêng đi đường*. Khi nhà gái đưa dâu đến gần nhà trai, thì bên nhà trai đánh điệu chiêng *chào mời*. Trong đám cưới, người Mường đánh chiêng suốt đêm, hai họ hát đối đáp và dùng chiêng điểm nhịp ở đoạn cuối lời ca để khen ngợi nhau khi đối đáp nhanh và hay. Tiếng chiêng trong đám cưới như người đại diện cho hai họ đến với nhau, cùng nhau trao, nhận dâu, rể, từ nay hai họ kết mối thông gia lâu dài, thân thiết.

Tiếng chiêng cũng là người bạn tiễn đưa người già về nơi chín suối. Ở Mường Bi, đã thành một tục lệ lâu đời, khi nhà ai trong xóm có người chết thì nhà ấy dùng chiêng đánh hai hồi liền nhau không lại dùi để báo hiệu cho dân làng biết nhà mình có tang. Khi họ hàng và bà con đã tập trung đông đủ thì gia đình lại đánh chiêng ba tiếng một để báo tang lễ bắt đầu. Trong tang lễ của người Mường có thầy mo giúp việc đánh chiêng và có phường bát âm làm lễ. Ngoài các nhạc cụ khác như *khánh* thì chiêng vẫn là nhạc cụ quan trọng trong buổi tang lễ.

### 3. Thay lời kết

Công chiêng đối với người Mường luôn là một vật báu tượng trưng cho sự phồn thịnh của gia đình, dòng họ, cho tâm linh của dân tộc, là hồn đất nước, của cuộc sống xứ Mường. Công chiêng luôn gắn liền với các phong tục, với cuộc sống cộng đồng, của cả dân tộc Mường trong đó có xứ Mường Bi nổi tiếng với nền văn hoá đã từng được lưu danh trong lịch sử. Việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong đó có việc bảo tồn dàn công chiêng xứ Mường trong các lễ hội dân gian là một việc làm cần thiết không chỉ phù hợp với tinh thần của Nghị quyết Trung ương V mà còn mang tính khoa học nhân văn sâu sắc. Thông qua đó giúp chúng ta thêm nguồn tư liệu góp phần nghiên cứu lịch sử tộc người, làm sáng tỏ những giá trị văn hoá nhân bản quý giá của dân tộc Mường từ truyền thống đến hiện đại.